

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VL25	68,771,729,429	102,728,099,092	255,248,860,389	305,536,216,237
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VL26	627,368,126	568,166,851	1,926,126,037	2,392,118,906
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VL27	68,144,361,303	102,159,932,241	253,322,734,352	303,144,097,331
4. Giá vốn hàng bán	11	VL28	54,936,264,192	91,708,103,842	208,574,737,139	258,865,521,485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13,208,097,111	10,451,828,399	44,747,997,213	44,278,575,846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL29	5,536,652,483	11,679,848,814	22,921,734,415	29,959,606,358
7. Chi phí tài chính	22	VL30	2,251,923,136	1,010,067,724	6,787,876,878	9,765,916,502
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		581,858,187	715,007,942	2,497,822,362	1,742,841,303
8. Chi phí bán hàng	24		9,692,630,710	10,888,684,124	32,294,436,745	29,738,402,980
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		927,367,863	1,862,952,169	4,400,277,004	7,235,317,994
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22) - (24+25)]	30		5,872,827,885	8,369,973,196	24,187,141,001	27,498,544,728
11. Thu nhập khác	31		333,182,062	1,300,731,742	4,005,469,052	3,195,023,520
12. Chi phí khác	32		182,476,244	854,165,397	2,308,622,165	2,010,304,240
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		150,705,818	446,566,345	1,696,846,887	1,184,719,280
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6,023,533,703	8,816,539,541	25,883,987,888	28,683,264,008
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL31	388,476,365	561,900,100	1,208,225,130	1,052,078,232
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5,635,057,338	8,254,639,441	24,675,762,758	27,631,185,776
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			418,210,891	157,099,445	418,428,910	253,912,564
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			5,216,846,447	8,097,539,996	24,257,333,848	27,377,273,212
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		475	735	2,203	2,467

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trương Thị Thủy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Trung Thanh



Ngô Văn Vĩ